

Số: /KH-UBND

Hung Nguyên, ngày tháng 8 năm 2025

**KẾ HOẠCH
Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số năm 2026**

Thực hiện Công văn số 1812/SKHCN-VP ngày 14/8/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc đôn đốc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026. UBND xã Hưng Nguyên xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2021 – 2025

Xã Hưng Nguyên được thành lập trên cơ sở sáp nhập 4 đơn vị cấp xã gồm: Thị trấn Hưng Nguyên, xã Thịnh Mỹ, xã Hưng Đạo, xã Hưng Tây. Trong giai đoạn 2021 – 2025 các xã chủ yếu thực hiện nội dung liên quan đến chuyển đổi số với những kết quả đạt được như sau:

- 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính, thiết bị phụ trợ cần thiết tối thiểu và đảm bảo cấu hình, tốc độ để ứng dụng, hoạt động trong công việc.
- 100% tổ chức, cá nhân lãnh đạo và chuyên viên bộ phận 1 cửa được cấp và sử dụng thường xuyên Chứng thư số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ.
- 100% cán bộ công chức được cấp và sử dụng thường xuyên phần mềm quản lý văn bản và điều hành VNPT-Ioffice, hộp thư công vụ.
- 100% đội ngũ cán bộ, công chức thị trấn, Bí thư, khối trưởng các khối đã được tập huấn về nội dung chuyển đổi số.
- 100% thủ tục hành chính được chuẩn hóa quy trình nội bộ; được xây dựng, cập nhật, cấu hình quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống Một cửa điện tử của thị trấn.
- 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận, xử lý tại Bộ phận một cửa.
- 100% hồ sơ tiếp nhận giải quyết TTHC được cập nhật đầy đủ thông tin.
- 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính/thủ tục hành chính liên thông được luân chuyển đúng quy trình điện tử.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến đạt 70%.
- 100% văn bản đến được xử lý đúng quy trình trên hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành.
- UBND xã đã thành lập Thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ tại Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 02/7/2025; Tổ công nghệ số cộng đồng tại xã và tại các xóm tại Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 nhằm hỗ trợ người dân giải quyết thủ tục hành chính cũng như hỗ trợ người dân đăng ký tài khoản định danh điện tử.
- Thực hiện tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh và qua mạng xã hội như: Zalo, Facebook, cổng TTĐT giúp người dân hiểu và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; sử dụng các ứng dụng thanh toán không tiền mặt và các nội dung liên quan đến công tác chuyển đổi số.
- Vận hành sử dụng tốt, hiệu quả hệ thống họp trực tuyến từ TW xuống địa phương.
- Thực hiện báo cáo thủ tục hành chính đầy đủ, kịp thời qua hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
- Trạm Y tế đã triển khai thực hiện tốt phần mềm HMIS: Tích hợp quản lý sức khỏe sinh sản, quản lý các loại bệnh, tử vong, tai nạn...
- Các trường học đã áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy và học của nhà trường như: Giáo án, bài giảng trên môi trường điện tử; Sổ điểm, Học bạ điện tử; Ký số...
- Đã triển khai cài đặt phần mềm VNEID của Bộ công an, đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho 95% người dân trong độ tuổi trưởng thành.
- 60% người dân sử dụng các phương thức thanh toán điện tử trực tuyến trong giao dịch hàng ngày. Người dân có thể mua bán hàng hóa, dịch vụ thông qua các sàn thương mại điện tử hoặc mạng xã hội, giúp mở rộng thị trường và tiếp cận khách hàng tiềm năng. Việc sử dụng ví điện tử, chuyển khoản ngân hàng, và các hình thức thanh toán trực tuyến khác ngày càng phổ biến, giúp giao dịch nhanh chóng, tiện lợi và an toàn hơn. Các dịch vụ như tư vấn trực tuyến, đào tạo trực tuyến, giải trí trực tuyến, và các dịch vụ số khác cũng đang được người dân ở các xã quan tâm và sử dụng. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý hàng hóa, khách hàng, tối ưu hóa quy trình sản xuất, và quảng bá sản phẩm.

II. Đánh giá tình hình phân bổ, giải ngân ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025

Năm 2025 không phân bổ ngân sách cho đầu tư phát triển về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dịch vụ công trực

tuyển, chuyển đổi số, Đề án 06...mà chỉ đầu tư thiết bị máy móc và phần mềm từ nguồn chi thường xuyên, cụ thể:

TT	Nội dung	Kinh phí
1	Mua phần mềm Imas	10.000.000
2	Mua phần mềm Misa	42.000.000
3	Cước phí sử dụng chữ ký số	27.110.000
4	Lắp đặt hệ thống camera an ninh	100.000.000
5	Mua sắm máy móc	30.000.000
6	Tuyên truyền công tác chuyển đổi số	12.800.000
	Tổng	221.910.000

Dự toán 6 tháng cuối năm 2025 chỉ mua sắm máy móc trang thiết bị, phần mềm khoảng 01 tỷ đồng nhằm phục vụ quản lý nhà nước, chuyển đổi số và Đề án 06.

III. Khó khăn vướng mắc và kiến nghị đề xuất

1. Khó khăn vướng mắc

- Thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù, đột phá để thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Quy trình thủ tục còn rườm rà, phức tạp, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia.
- Cán bộ phụ trách lĩnh vực khoa học công nghệ cấp xã chưa được đào tạo bài bản chuyên sâu về lĩnh vực khoa học công nghệ dẫn đến còn lúng túng trong thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Nguồn vốn đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa được phân bổ hợp lý, có thể dẫn đến tình trạng dàn trải, lãng phí.
- Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình chuyển đổi số.
- Việc phối hợp giữa các ngành trong triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn chưa chặt chẽ.
- Chưa có cơ chế hiệu quả để thu hút, khuyến khích các chuyên gia, nhà khoa học tham gia vào quá trình đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Một số cán bộ, công chức, viên chức còn chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Tâm lý e ngại, chưa sẵn sàng thay đổi trong một số tổ chức, cá nhân khi thực hiện chuyển đổi số.

2. Kiến nghị đề xuất

- Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, đột phá để thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cấp nguồn ngân sách để thực hiện chi trả phụ cấp cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số theo đúng Nghị định 179/2025/NĐ-CP.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia.

- Tăng cường nguồn vốn đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế tài chính linh hoạt, phù hợp với từng loại hình hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ công chức, viên chức phụ trách lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số cấp xã.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

I. Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026

1. Mục tiêu tổng quát

Cụ thể hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra để thực hiện nhiệm vụ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch hành động số 328-KH/TU của Tỉnh ủy Nghệ An thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân thông qua ứng dụng công nghệ. Tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, phục vụ tốt cho người dân và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu
I	Phát triển hạ tầng	
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	$\geq 50\%$.
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	$\geq 50\%$
II	Phát triển nguồn lực	
3	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và	Bảo đảm đạt mức theo phân bổ và điều kiện thực tiễn

	chuyển đổi số	của xã
4	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	$\geq 80\%$
5	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	80%
6	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	80%
III	Phát triển khoa học, công nghệ	
7	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	>4
8	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm để phát triển kinh tế xã hội; nâng cao chất lượng sống người dân	ứng dụng
IV	Phát triển chuyển đổi số	
9	Chỉ số chuyển đổi số cấp xã	50
10	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	$> 90\%$
11	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	100%
12	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc".	$> 70\%$
13	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	100%
14	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	$> 70\%$
15	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	$> 80\%$
16	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	$> 70\%$
17	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	22%
18	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hoá trong giải quyết TTHC, dịch vụ công	23%
19	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	24%
20	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	25%
21	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	26%
22	Tỷ lệ dữ liệu của các Ban, Phòng, ngành được tích	$> 60\%$

	hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.	
23	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	> 30%
24	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	> 65%
25	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	>5%
26	Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	100%
27	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	20%
28	Tỷ lệ người dân có sổ sức khỏe điện tử	>90%
29	Quy mô kinh tế số	5% GRDP

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị về đổi mới tư duy, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổ chức quán triệt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về nội dung thực hiện nhiệm vụ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch hành động số 328-KH/TU của Tỉnh ủy Nghệ An thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Tuyên truyền, đăng các tin bài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử; các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác. Cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp, phối hợp hiệu quả giữa các ngành, đoàn thể trên địa bàn.

- Tham gia các hoạt động phong trào thi đua của tỉnh phát động thực hiện nhiệm vụ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Rà soát đề xuất biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, động viên kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thường xuyên thực hiện thanh tra, kiểm tra thực hiện công vụ của công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.2. Đề xuất cơ chế, chính sách; tạo lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Rà soát, đề xuất các cấp có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Nghiên cứu triển khai danh mục các lĩnh vực công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, đề xuất với cấp trên về cơ chế, chính sách ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư.

- Thực hiện rà soát đề xuất điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.

3.3. Phát triển dịch vụ công, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, phi địa giới hành chính, người dân chỉ cần đến Trung tâm phục vụ hành chính công gần nhất để nộp hồ sơ giao dịch các thủ tục hành chính. Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp.

- Tái cấu trúc quy trình để đơn giản hóa, cắt giảm, gỡ bỏ thủ tục hành chính khi dữ liệu CSDL quốc gia về dân cư và CSDL khác đã đáp ứng được yêu cầu (dữ liệu đã trưởng thành); Không yêu cầu người dân phải nộp lại những giấy tờ khi dữ liệu đã được số hóa.

- Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư kinh doanh, nhất là đối với các doanh nghiệp, nhất là thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Đảm bảo 100% thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả; 100% thủ tục hành chính không bị giới hạn bởi địa giới hành chính.

- Hướng dẫn, chỉ đạo điều chỉnh quy trình nghiệp vụ; các cơ quan không yêu cầu công dân phải xuất trình giấy tờ, bản sao y, công chứng trước khi thực hiện TTHC liên quan đến lĩnh vực hành chính theo Luật Giao dịch điện tử.

- Kết nối, làm sạch dữ liệu hộ tịch, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đẩy mạnh số hoá, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết Thủ tục hành chính.

3.4. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin; ứng dụng, dịch vụ số

- Rà soát tổng thể các hạng mục công nghệ thông tin cần đầu tư để xác định vốn từ kinh phí thường xuyên để sử dụng ngay tại địa phương đảm bảo đầu tư hiệu quả, tiết kiệm, tránh trùng lặp, lãng phí.

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hoặc thuê hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số. Lồng ghép phương án phát triển hạ tầng số vào quy hoạch của chung.

- Phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...) có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

- Tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Bố trí đủ nguồn lực tài chính để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định và phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan đưa ra giải pháp nhằm đảm bảo tỷ lệ phủ sóng mạng 5G đạt ít nhất 80% số lượng trạm phát sóng 4G hiện nay, tạo nền tảng hạ tầng công nghệ vững chắc để hỗ trợ chuyển đổi số và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên toàn xã.

3.5. Đẩy mạnh hoàn thiện các Cơ sở dữ liệu, ứng dụng dữ liệu vào các tiện ích cho người dân, doanh nghiệp, phục vụ quản lý, điều hành của xã

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Phối hợp với tổ chức Ngân hàng thúc đẩy việc thanh toán, chi trả không dùng tiền mặt trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thực hiện thường xuyên. Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành và các đơn vị liên quan triển khai thu thuế hộ gia đình và cá nhân qua ứng dụng nộp thuế điện tử.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai giải pháp KIOSK y tế thông minh, đảm bảo Trạm y tế hoàn thành triển khai KIOSK y tế thông minh, hoàn thành theo lộ trình của tỉnh.

- Triển khai thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, kết quả xét nghiệm phục vụ khai thác thông tin Sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch để phát triển công nghiệp văn hóa, thu hút khách du lịch; hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thể thao thông minh, tiện ích góp phần nâng cao sức khỏe người dân. Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu về văn hóa, thể thao, du lịch, số hóa các di sản, thư viện...

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường... Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

3.6. Đảm bảo an ninh an toàn, bảo mật hệ thống, dữ liệu cá nhân

- Thực hiện phát triển các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, hoàn thành theo lộ trình của tỉnh.

- Thực hiện giải pháp tăng cường an ninh dữ liệu, phát triển các dịch vụ an ninh dữ liệu. Duy trì và tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin phục vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng và ban hành các quy chế quy định về quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin.

- Đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật ở xã; thường xuyên kiểm tra, giám sát đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối các hệ thống thông tin phục vụ Đề án 06/CP. Đặc biệt đối với các thiết bị đầu cuối của cán bộ, công chức cấp xã.

3.7. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tham mưu đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn.

- Tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và nhân dân; cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm.

- Thúc đẩy Chương trình “Bình dân học vụ số” nhằm mang lại cơ hội tiếp cận tri thức và nâng cao năng lực học tập cho người dân trên địa bàn xã, đảm bảo tính phổ cập và hiệu quả.

II. Dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 *(Phụ lục kèm theo)*

III. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn lồng ghép với các Chương trình, đề án, kế hoạch khác; nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực ngành chủ trì tổ chức thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ được phân công cụ thể theo phụ lục kèm theo kế hoạch này.

- Có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, bổ sung đồng bộ, thống nhất với chương trình, kế hoạch này.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã trực tiếp chỉ đạo, phân công thực hiện các nội dung của Kế hoạch; kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng Quý báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã (qua phòng Văn hóa - Xã hội) trước ngày 12 tháng cuối Quý để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Giao phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, kịp thời báo cáo và đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc và biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Kế hoạch.

3. Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị của xã tham mưu bố trí nguồn vốn từ ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch.

4. Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quán triệt, thực hiện kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ tại kế hoạch này, đảm bảo đạt được các mục tiêu theo tiến độ đề ra.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, triển khai Đề án 06 và cải cách hành chính; điều phối việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên ngành về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, triển khai Đề án 06, cải cách hành chính; điều phối chung việc triển khai các chương trình, kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Tỉnh ủy và các Kế hoạch, Thông báo kết luận, Văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, triển khai Đề án 06 và cải cách hành chính.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc ngành, lĩnh vực theo Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất gửi UBND xã để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Hưng Nguyên năm 2026. Các cơ quan, đơn vị, phòng, ban, ngành căn cứ triển khai thực hiện có hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT Đảng ủy - HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT xã;
- UBMTTQ xã;
- Các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Anh Tiến

Phụ lục 1
DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CHO KH, CN, ĐMST VÀ CDS NĂM 2026

Số TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN KINH PHÍ KHCN NĂM 2026 (triệu đồng)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>(2)</i>
1	Chi nhiệm vụ KH&CN	500
a	Nhiệm vụ KHCN	0
b	Nhiệm vụ ĐMST	0
c	Nhiệm vụ CDS	500
2	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước về KH, CN, ĐMST VÀ CDS	3.150
a	Hoạt động BCD, Tổ công nghệ số cộng đồng...	150
b	Bao trì, nâng cấp hệ thống, đường truyền...	500
c	Tập huấn, đào tạo, học trực tuyến trên các nền tảng số	100
d	Mua sắm thiết bị	2.000
e	Chi phí bảo mật thông tin	100
f	Duy trì hoạt động cổng TTĐT	200
h	Công tác tuyên truyền	50
g	Chi khác	50
3	Nhiệm vụ triển khai theo Nghị quyết 57NQ/TW	200
	TỔNG SỐ	3.850

Phụ lục 2
TỔNG HỢP NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG LINH VỰC KH, CN, ĐMST VÀ CDS NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Dự án	Năm 2025									Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030			Nhu cầu kế hoạch năm 2026			Dự kiến kế hoạch năm 2026			Ghi chú
		Kế hoạch được giao			Giải ngân từ 1/1 năm 2025 đến 30/6 năm 2025			Ước giải ngân cả năm 2025			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Hệ thống mạng cơ quan Đảng ủy - HĐND - UBND								400						1000					
2	Nâng cấp, tích hợp Đài TT ứng dụng CNTT-VT														2000			1000		

3	Lắp đặt thiết bị thông minh (camera giám sát, wifi công cộng...)											2000								
4	Hệ thống bảng biểu, pano, các thiết bị số tại các trung tâm xã											3000								
5	Xây dựng ứng dụng công dân số giúp người dân tiếp cận thông tin, dịch vụ, chính sách....											1000								

6	Nâng cấp trang thiết bị tại Trung tâm phục vụ Hành chính công											5000								
7	Nâng cấp hệ thống đường truyền cho phòng Kinh tế											3000								
8	Nâng cấp hạ tầng mạng, trung tâm dữ liệu máy chủ, lưu trữ và các phần mềm phục vụ chính quyền số											5000								

9	Thiết lập nền tảng bảo mật cơ bản, mã hóa dữ liệu											3000								
10	Số hóa hồ sơ, xây dựng phần mềm quản lý nội bộ											2000								
11	Đào tạo CNTT cho cán bộ xã, chia sẻ kinh nghiệm, truyền thông											300								
12	Dự án khác											3000								